

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NỘI THẤT NAM CƯỜNG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NỘI THẤT NAM CƯỜNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NAM CUONG FURNITURE AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: NAM CUONG FUCO.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0107993022

3. Ngày thành lập: 13/09/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Cao Xá, Xã Đức Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Dịch vụ đóng gói	8292
2.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
3.	Lập trình máy vi tính	6201
4.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ kim chỉ: kim, chỉ khâu...; - Bán buôn ô dù; - Bán buôn dao, kéo; - Bán buôn xe đạp và phụ tùng xe đạp; - Bán buôn sản phẩm quang học và chụp ảnh (ví dụ: kính râm, ống nhòm, kính lúp); - Bán buôn băng, đĩa CD, DVD đã ghi âm thanh, hình ảnh; - Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức; - Bán buôn nhạc cụ, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi.	4649

7.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
8.	Đúc sắt, thép	2431
9.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
10.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
11.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) ; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh ; Bán buôn cao su ; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt ; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép ; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại ; - Bán buôn bột giấy; - Bán buôn đá quý; - Bán buôn các sản phẩm khác chưa được phân vào đâu.	4669
12.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
13.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
14.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
15.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
16.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
17.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
18.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
19.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
20.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
21.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930
22.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
23.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
24.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
25.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
26.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
27.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
28.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
29.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
30.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621

31.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
32.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
33.	Phá dỡ	4311
34.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
35.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
36.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
37.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
38.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
39.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
40.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động bán đấu giá tài sản)	4513
41.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
42.	Sản xuất máy luyện kim	2823
43.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
44.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
45.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
46.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
47.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
48.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
49.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
50.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330(Chính)
51.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
52.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
53.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
54.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
55.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
56.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
57.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
58.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
59.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
60.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
61.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
62.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
63.	Xây dựng công trình công ích	4220
64.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511

65.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
66.	Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác	9529
67.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
68.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
69.	Cho thuê xe có động cơ	7710
70.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
71.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
72.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Hoạt động chuyển đồ đạc gia đình, thiết bị văn phòng	4933
73.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
74.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
75.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
76.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
77.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
78.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
79.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
80.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
81.	In ấn	1811
82.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
83.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
84.	Đúc kim loại màu	2432
85.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
86.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
87.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
88.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
89.	Sản xuất xe có động cơ	2910
90.	Sản xuất thân xe có động cơ, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
91.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Không bao gồm hoạt động bán đấu giá tài sản)	4791
92.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
93.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
94.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
95.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
96.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản	6820
97.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
98.	Xây dựng nhà các loại	4100

99.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
100.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
101.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
102.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
103.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
104.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
105.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
106.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
107.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
108.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
109.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
110.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
111.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
112.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
113.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
114.	Bán mô tô, xe máy (Không bao gồm hoạt động bán đấu giá tài sản)	4541
115.	Bán buôn gạo	4631
116.	Bán buôn thực phẩm	4632
117.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
118.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
119.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
120.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động bán đấu giá tài sản)	4511
121.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
122.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121

123.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi; - Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng; - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn dây điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp; - Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt may; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
124.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
125.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
126.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Không bao gồm hoạt động bán đấu giá tài sản)	4530
127.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620

6. Vốn điều lệ: 6.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÊ VĂN CƯỜNG	Phố Phong Lộc, Phường Ninh Phong, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	33.660	3.366.000.000	49,500	164156880	
			Tổng số	33.660	3.366.000.000	49,500		

2	PHÍ THỊ HUỖNG	Thôn Cao Xá, Xã Đức Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	33.660	3.366.000.000	49,500	112199990	
			Tổng số	33.660	3.366.000.000	49,500		
3	PHÍ THỊ VÂN	Thôn Cao Xá, Xã Đức Thượng, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	680	68.000.000	1,000	112488052	
			Tổng số	680	68.000.000	1,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ VĂN CUỖNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/10/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 164156880

Ngày cấp: 16/06/2014 Nơi cấp: Công an tỉnh Ninh Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phố Phong Lộc, Phường Ninh Phong, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phố Phong Lộc, Phường Ninh Phong, Thành phố Ninh Bình, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội